

Số: /QĐ-UBND

Xín Mần, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bản Dú,
huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XÍN MÀN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ vào các quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 6498/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện Xín Mần về việc Phê duyệt Nhiệm vụ - Dự toán Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bản Dúu, huyện Xín Mần đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 2079/SXD-QH ngày 22/11/2023 về việc tham gia ý kiến vào Đồ án quy hoạch chung xây dựng 05 xã: Nàn Xìn, Pà Vây Sủ, Chí Cà, Bản Dúu, Thèn Phàng thuộc huyện Xín Mần (lần 2);

Xét nội dung Biên bản họp ngày 13/9/2023 của Hội đồng thẩm định thành lập theo Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số 2511/QĐ ngày 19/4/2023 của UBND huyện Xín Mần về việc thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ, đồ án Quy hoạch chung xây dựng;

Xét Tờ trình số 18/TTr-UBND ngày 22/9/2023 của UBND xã Bản Dúu trình thẩm định, phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bản Dúu huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 198/TTr-KT&HT ngày 22/11/2023 của Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Xín Mần đề nghị Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bản Dúu, huyện Xín Mần đến năm 2030;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bản Dúu, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang đến năm 2030 với các nội dung như sau:

1. Tên đồ án: Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bản Dúu, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang đến năm 2030.

2. Chủ đầu tư: UBND xã Bản Dúu, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang.

3. Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần quy hoạch và tư vấn Thuận Phát.

4. Nguồn vốn: Vốn đầu tư Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới.

5. Vị trí, phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

- Phạm vi ranh giới: Thuộc địa giới hành chính xã Bản Dúu, có các mặt tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc giáp xã Nàn Xìn và huyện Hoàng Su Phì;

+ Phía Đông giáp huyện Hoàng Su Phì;

+ Phía Tây giáp xã Thèn Phàng;

+ Phía Nam giáp xã Trung Thịnh và huyện Hoàng Su Phì.

- Quy mô diện tích: Quy mô nghiên cứu được thực hiện trong phạm vi địa giới hành chính xã Bản Dúu: 2.572,60 ha.

- Dân số năm 2030: 5.419 người.

6. Mục tiêu lập quy hoạch, tiềm lực phát triển, tính chất chức năng của xã

6.1. Quan điểm, mục tiêu, động lực phát triển

a) Quan điểm:

- Tuân thủ với quy hoạch tỉnh, các quy hoạch cấp trên và phù hợp với các quy hoạch có liên quan.

- Phù hợp với đặc điểm địa hình, địa chất, thủy văn của khu vực.

- Phù hợp với việc đầu nôi hạ tầng kỹ thuật với các khu vực xung quanh.
- Phát triển xã theo hướng thương mại, dịch vụ vùng biên mậu gắn với phát triển kinh tế nông nghiệp, mang bản sắc địa phương.
- Từng bước xây dựng và phát triển nông thôn theo hướng bền vững phù hợp với nhu cầu phát triển của khu vực.
- Quy hoạch gắn liền với nhiệm vụ tăng cường an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường và từng bước hiện đại hóa hạ tầng.

b) Mục tiêu:

- Đảm bảo thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới của Thủ tướng Chính phủ;
- Cụ thể hoá quy hoạch xây dựng đến năm 2030, làm cơ sở xác định các dự án đầu tư, các chương trình đầu tư và hoạch định chính sách phát triển và lập các quy hoạch chi tiết xây dựng và quản lý các điểm dân cư nông thôn, khu sản xuất nông nghiệp, thủy sản, khu thương mại dịch vụ,... trên địa bàn xã.
- Làm cơ sở lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn, các quy hoạch chuyên ngành kỹ thuật; quản lý xây dựng theo quy hoạch.
- Rà soát các công trình, các dự án, các nguồn lực thực hiện, các tiêu chí quy hoạch nông thôn trong các đồ án xây dựng có liên quan giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn xã, từ đó điều chỉnh, bổ sung quy hoạch trong các đồ án quy hoạch chung xây dựng giai đoạn 2021-2030 (phân kỳ 2021-2025 và 2026-2030).
- Xác lập quỹ đất ở, quỹ đất xây dựng hạ tầng xã hội, quỹ đất xây dựng các công trình sản xuất và quỹ đất về hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả gắn kết giữa hoạt động sản xuất, bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng.
- Gắn kết chặt chẽ chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, các chương trình mục tiêu, các dự án khác đang triển khai trên địa bàn và gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

c) Động lực phát triển kinh tế chủ đạo của xã:

Nông – Lâm nghiệp kết hợp với thương mại – dịch vụ; Nông nghiệp chăn nuôi theo hướng hàng hoá.

6.2. Tính chất chức năng của xã:

Là xã có tính chất chủ lực trong khu vực về phát triển lĩnh vực nông nghiệp hàng hóa thương mại có giá trị cao, là điểm trung chuyển hàng hóa quan trọng vì nằm trên tuyến đường tỉnh lộ 177, là đầu nôi giữa trung tâm huyện với các xã ở khu vực biên giới Trung Quốc.

7. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật áp dụng

7.1. Quy mô, dân số, lao động

a. Quy mô dân số:

- Hiện trạng: 4.824 người;
- Dự báo đến năm 2030: 5.419 người.

b. Quy mô và cơ cấu lao động:

- Hiện trạng: 3.320 người.
- Dự báo đến năm 2030: 3.720 người.

7.2. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

Tuân thủ QCVN 01:2021/BXD, kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng và các quy chuẩn tiêu chuẩn hiện hành.

8. Phân khu chức năng

8.1. Quy hoạch hạ tầng xã hội khu trung tâm xã, thôn:

- Bố trí khu đất ở mới: 1,97 ha.
- Khu dân cư hiện hữu giữ nguyên theo hiện trạng.

8.2 Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội khu trung tâm xã: Khu trung tâm xã diện tích khoảng 3,13 ha, lấy trụ sở UBND xã 0,8ha làm trung tâm.

8.3 Khu phát triển thương mại, dịch vụ: quy hoạch theo hướng phù hợp với các tiềm năng về thương mại, dịch vụ hiện có.

8.4 Khu vực phát triển nông nghiệp: Được phân bố theo các thôn và xen kẽ ở các khu vực khác.

9. Định hướng tổ chức không gian khu trung tâm xã, khu dân cư mới và các thôn, bản

9.1. Định hướng tổ chức hệ thống khu trung tâm xã

- Giữ nguyên vị trí của: Bưu điện xã, Trạm y tế, Chợ trung tâm xã, Nhà văn hóa xã, Trường PTDTBT tiểu học.

- Quy hoạch mới: Trụ sở UBND xã, Trường THCS.
- Quy hoạch mở rộng: Trụ sở công an - quân sự xã, Trường mầm non.

9.2. Định hướng cải tạo thôn, bản

- Số lượng các thôn vẫn giữ nguyên như hiện có.
- Cải tạo, chỉnh trang các hạng mục công trình đã xuống cấp các điểm trường học, nhà văn hóa và xây dựng bổ sung các công trình còn thiếu: trường học, nhà văn hóa, sân TDTT thôn.

10. Định hướng tổ chức không gian toàn xã:

10.1. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ

a) Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã: Quy hoạch mới, tại khu trung tâm xã với diện tích 8.000m².

b) Trụ sở công an, quân sự xã:

- Quy hoạch xây dựng trụ sở công an, quân sự mở rộng diện tích thêm 231,3 m²;

- Quy hoạch mới thao trường huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ của toàn xã Bản Dịu 3,0 ha (theo quyết định số 2898/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang).

- c) Bưu điện: Giữ nguyên vị trí.
- d) Trạm y tế: giữ nguyên vị trí.
- e) Chợ xã: Chợ giữ nguyên vị trí.
- f) Trường học:

- Trường mầm non: Quy hoạch trường mầm non trung tâm giữ nguyên vị trí, quy hoạch mở rộng; Quy hoạch giữ nguyên vị trí và công năng của 06 điểm trường ở các thôn: Ngam Lin, Quán Thèn, Chúng Trái, Mào Phố, Na Lũng, Dú Hạ.

- Trường Tiểu học: Giữ nguyên vị trí trường trung tâm, quy hoạch mở rộng xây dựng trường liên cấp; Quy hoạch giữ nguyên vị trí và công năng của 07 điểm trường thôn: Chúng Trái, Quán Thèn, Ngam Lin, Dú Hạ, Dú Thượng, Na Lũng, Mào Phố.

- Trường THCS Bản Dú: quy hoạch mới liền kề với trường tiểu học để xây dựng trường liên cấp.

- g) Trung tâm văn hóa - thể thao

- Nhà văn hóa và sân thể thao xã: giữ nguyên vị trí.
- Khu thể thao: Giữ nguyên vị trí hiện tại diện tích khoảng 600 m².
- Giữ nguyên vị trí nhà văn hóa các thôn: Dú Thượng, Dú Hạ, Na Lũng, Quán Thèn, Chúng Trái, Ngam Lin, Mào Phố và quy hoạch mới khu thể thao.
- Quy hoạch mới Nhà văn hóa và khu thể thao thôn Cốc Tùm.

10.2. Định hướng khu vực tổ chức sản xuất

- a. Quy hoạch 04 vùng sản xuất trọng điểm là:

- Quy hoạch vùng trồng lúa thôn Na Lũng, Dú Hạ, Mào Phố với diện tích 36,4 ha.

- Quy hoạch vùng trồng Ngô tại thôn Chúng Trái, Quán Thèn, Ngam Lin với diện tích 23,4 ha.

- Quy hoạch trồng cây Mận máu tại thôn Ngam Lin, Dú Thượng Mào Phố với diện tích 3,65 ha.

- Quy hoạch trồng mới thảo quả tại thôn Ngam Lin, Dú Thượng với diện tích 3,4 ha.

10.3. Khu vực phát triển thương mại, dịch vụ

Các hoạt động bảo tồn di tích lịch sử, di sản văn hóa được quan tâm như lễ hội Hoàng Vân Thùng gắn với tết Khu Cù Tê của dân tộc La Chí, được bộ văn hóa thể thao và du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia năm 2014 tiếp tục duy trì.

10.4. Khu vực phát triển cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề

Quy hoạch đất khoáng sản và vật liệu xây dựng cập nhật theo Quyết định 2898/QĐ-UBND tỉnh ngày 31/12/2021 và Quyết định 1261/QĐ-UBND ngày 30/06/2021 của UBND tỉnh Hà Giang ban hành kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2025, định hướng đến năm 2050. Quy hoạch 04 điểm gồm:

- Quy hoạch mỏ cát hợp tác xã Hoàn Tâm xã Bản Dú 10.200 m².

- Quy hoạch mỏ cát, sỏi thôn Dú Hạ km22 xã Bản Dú và thôn Cốc Đông xã Trung Thịnh 10.200 m².

- Quy hoạch điểm khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường (km26) xã Bản Dú 5.700 m².

- Quy hoạch điểm khai thác cát, sỏi lòng sông Chảy thôn Dú Hạ xã Bản Dú và thôn Cốc Đông xã Trung Thịnh 73.000 m².

11. Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn: Quy chế được lập sau khi đồ án Quy hoạch chung xã được phê duyệt.

12. Quy hoạch sử dụng đất:

12.1. Quy hoạch sử dụng đất

TT	Mục đích sử dụng	Hiện trạng (ha)	Giai đoạn 2022-2025 (ha)	Giai đoạn 2026-2030 (ha)	Ghi chú (*)
	Tổng diện tích tự nhiên	2.572,60	2.572,60	2.572,60	
1	Đất nông nghiệp	2.362,07	2.344,60	2.340,10	
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	1.378,95	1.273,89	1.159,37	
1.2	Đất lâm nghiệp	983,12	1.070,71	1.180,73	
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	-	-	-	
1.4	Đất làm muối	-	-	-	
1.5	Đất nông nghiệp khác	-	-	-	
2	Đất xây dựng	75,88	93,70	102,28	
2.1	Đất ở	28,87	29,85	30,84	
2.2	Đất công cộng	1,69	2,57	2,72	
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	-	0,12	0,29	
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	6,99	6,99	6,99	
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	-	-	-	
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	0,88	8,75	10,79	
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	-	-	-	
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	37,46	42,17	47,40	
2.8.1	<i>Đất giao thông</i>	8,55	11,82	14,32	

TT	Mục đích sử dụng	Hiện trạng (ha)	Giai đoạn 2022-2025 (ha)	Giai đoạn 2026-2030 (ha)	Ghi chú (*)
2.8.2	Đất xử lý chất thải rắn	-	0,38	0,60	
2.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	-	1,00	1,40	
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	28,91	28,97	31,08	
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	-	0,02	0,02	
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	-	3,23	3,23	
3	Đất khác	134,65	134,31	130,23	
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	17,16	16,90	13,22	
3.2	Đất chưa sử dụng	117,49	117,41	117,01	

13. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

13.1. Quy hoạch giao thông

- Đường trục xã, liên xã: bề rộng mặt tối thiểu 3,5 m, bề rộng nền tối thiểu từ 5-6 m.

- Đường trục thôn, liên thôn: bề rộng mặt tối thiểu từ 2-4 m, bề rộng nền tối thiểu từ 3-5,5 m.

- Đường nội đồng: bề rộng mặt tối thiểu từ 2 m, bề rộng nền tối thiểu từ 3 m, hiện tại đường chưa cứng hóa.

- Đường ngõ xóm: bề rộng mặt tối thiểu từ 1,5-3 m, bề rộng nền tối thiểu từ 3-4 m.

13.2. Chuẩn bị kỹ thuật:

a) Nền xây dựng: Khu vực xây mới có thể tôn nền xây dựng cao hơn mặt nền hiện có từ 0,7-1,2m, phù hợp với hiện trạng xây dựng xung quanh.

b) Cao độ nền: Cao độ nền xây dựng không chế tối thiểu cho từng công trình được xác định trong quy hoạch chi tiết cho từng vị trí, phải đảm bảo:

- + Không ngập úng.
- + Hòa với các công trình hiện có.
- + Không làm ảnh hưởng tới các công trình lân cận.

c) Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt

- Hệ thống thoát nước là hệ thống thoát nước chung giữa nước mưa và nước thải.

- Trên cơ sở quy hoạch chiều cao, thiết kế hệ thống thoát nước mưa đảm bảo thoát nước tốt bao gồm các tuyến mương nắp đan bằng bê tông cốt thép đón nước có kích thước từ 400x600÷600x800. Giếng thu trực tiếp, có khoảng cách theo độ dốc đường (iđ):

- + $i_d = 0$, khoảng cách giếng thu là 40m.
- + $i_d = 0,4\%$, khoảng cách giếng thu là 50m.
- + $i_d > 0,4\%$ khoảng cách giếng thu là 70m.

- Mạng lưới thoát nước phân tán theo địa hình tự nhiên của các khu vực, hướng thoát nước chính ra mương tiêu và sông chảy qua khu vực.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước cùng với hệ thống đường giao thông, đảm bảo thoát nước tốt, đảm bảo vệ sinh khu vực.
- Kết cấu: Chọn kết cấu rãnh xây và mương xây có nắp đan.
- Mạng lưới cống được đặt dọc các đường thôn xóm, các trục đường liên thôn, liên xã để thu gom nước thải từ các cụm dân cư, thu gom nước mưa đưa ra điểm xả.
- Hệ thống nước mưa chảy trực tiếp ra các khu vực đầm, ao hồ, kênh mương. Kích thước cống định hình:
 - + Diện tích lưu vực $F < 2$ ha: chọn rãnh và mương nắp đan 400x600.
 - + Diện tích lưu vực $F=2-5$ ha: chọn mương nắp đan kích thước 600x800.
 - + Diện tích lưu vực $F > 5$ ha: chọn mương nắp đan 1000x1000.
- Rãnh xây được bố trí tại các đường ngõ thôn, ngõ xóm.
- Mương xây nắp đan bố trí tại các đường liên xóm, liên thôn, liên xã.
- Nạo vét khơi thông dòng chảy đảm bảo thoát lũ không gây ngập úng khu vực tại các đoạn đường ngõ xóm của các xóm trong xã.

13.3. *Quy hoạch hệ thống kênh mương*: Dùng ống HDPE để cấp nước sản xuất cho khu vực.

13.4. *Quy hoạch cấp điện*: Giữ nguyên vị trí và nâng cấp các trạm biến áp hiện có.

13.5. *Cấp, thoát nước*:

- Nguồn cấp nước: Định hướng tiếp tục sử dụng nguồn nước và đường ống dẫn nước hiện tại. Nâng cấp nguồn cấp nước tại thôn Chúng Trãi và thôn Quán Thèn.

- Giải pháp cấp nước: Quy hoạch mới 03 công trình cấp nước thôn Quán Thèn, thôn Chúng Trãi và thôn Dú Hạ.

* Quy hoạch thoát nước:

Tận dụng các kênh, rạch, để thoát nước và làm sạch nước thải tự nhiên. Cho phép sử dụng hệ thống thoát nước mưa để thoát nước thải đã xử lý qua bể tự hoại.

13.6. *Điểm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt*:

- + Quy hoạch điểm xử lý rác thải sinh hoạt trung tâm xã Bản Dú 3.000 m².
- + Quy hoạch bãi đổ chất thải rắn (đất, đá thải) xã Bản Dú 2.200 m², vị trí tại thôn Cốc Tùm.

13.7. *Nghĩa trang*:

+ Quy hoạch mở mới nghĩa trang tại khu Chi Sang, thôn Quán Thèn, Chúng Trãi, Ngam Lin, 1,0 ha.

+ Quy hoạch nghĩa trang tại Ngam Ai, thôn Na Lũng, diện tích 0,4 ha.

14. Danh mục các dự án ưu tiên theo kỳ kế hoạch:

- Quy hoạch cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường.
- Quy hoạch chi tiết trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn.
- Dự án nâng cấp các trường mầm non, các trường tiểu học.
- Dự án nâng cấp trạm y tế xã.
- Dự án xây dựng, nâng cấp nhà văn hóa xã và khu thể thao xã và các thôn.

- Dự án xây phát triển nông nghiệp.
- Dự án đấu giá quyền sử dụng đất.

15. Tiến độ thực hiện quy hoạch

12.1 Tiến độ

- Giai đoạn 2023-2025: thực hiện lập quy hoạch chi tiết khu trung tâm, công cộng, cây xanh, khu chức năng,.... theo quy hoạch được duyệt, đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt để hoàn thành các tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới.

- Giai đoạn 2025-2030: hoàn thiện quy hoạch chi tiết các khu vực còn lại, đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng, các khu chức năng, công cộng, trụ sở cơ quan,...

12.2 Giải pháp thực hiện

- Lập, phê duyệt quy hoạch làm căn cứ triển khai quy hoạch chi tiết.
- Lập quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn.
- Tổ chức cắm mốc giới theo quy hoạch được duyệt.
- Tổ chức xây dựng, đấu giá đất các khu đất ở mới.
- Huy động nguồn lực xã hội đầu tư các khu chức năng theo quy hoạch được duyệt.

16. Hồ sơ của Đồ án được phê duyệt:

Hồ sơ của Đồ án được duyệt đảm bảo theo quy định tại Điều 34 Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn, cụ thể như sau:

TT	Tên thành phần hồ sơ	Ký hiệu bản vẽ	Tỷ lệ bản vẽ
I	Thành phần bản vẽ in màu		
1	Sơ đồ vị trí, mối liên hệ vùng	QH -01	Theo tỷ lệ thích hợp
2	Bản đồ hiện trạng tổng hợp, đánh giá đất xây dựng	QH -02	1/5000 hoặc 1/10.000
3	Sơ đồ định hướng phát triển không gian toàn xã	QH -03	1/5000 hoặc 1/10.000
4	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất	QH -04	1/5000 hoặc 1/10.000
5	Bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường; hạ tầng phục vụ sản xuất	QH -05	1/5000 hoặc 1/10.000
6	Bản đồ quy hoạch sản xuất nông nghiệp	QH - 06	1/5.000 hoặc 1/10.000
II	Thuyết minh và các văn bản liên quan		
1	Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án		
2	Thuyết minh tổng hợp kèm theo các bản vẽ thu nhỏ cỡ A3 in màu. Các phụ lục tính toán kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh, các số liệu tính toán) và các văn bản pháp lý liên quan.		

TT	Tên thành phần hồ sơ	Ký hiệu bản vẽ	Tỷ lệ bản vẽ
3	Quy định quản lý đồ án quy hoạch		
4	Các văn bản pháp lý có liên quan		
5	Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch		
6	Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng		
7	Đĩa CD/ USB lưu trữ toàn bộ nội dung Đồ án		

Điều 2. Phê duyệt kèm theo Quyết định này là Quy định quản lý đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bản Dú, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang đến năm 2030.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

Giao UBND xã Bản Dú: Triển khai công bố công khai Đồ án quy hoạch theo quy định; Có trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ, hồ sơ cấm mốc giới trình thẩm định theo quy định; Lập kế hoạch cấm mốc giới, trình Ủy ban nhân dân huyện ban hành, làm cơ sở để các đơn vị liên quan triển khai thực hiện cấm mốc giới theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã được duyệt; Tổ chức lập các Quy hoạch chi tiết xây dựng phù hợp với quy hoạch chung xây dựng được duyệt; Trong quá trình triển khai thực hiện, chủ động rà soát, đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Giao các Phòng chuyên môn, các cơ quan, đơn vị có liên quan, thực hiện phối hợp, hướng dẫn UBND xã trong việc triển khai thực hiện và quản lý quy hoạch theo lĩnh vực ngành quản lý, đảm bảo thống nhất, đồng bộ, đúng quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 16/01/2013 của UBND huyện Xín Mần Phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Bản Dú.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng các phòng Kinh tế và Hạ tầng, Văn phòng Nông thôn mới, Phòng Tài nguyên – Môi trường, Phòng Nông nghiệp & PTNT, Phòng Văn hóa – Thông tin, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Giáo dục & Đào tạo; Chủ tịch UBND xã Bản Dú và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTr. Huyện ủy;
- TTr. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBND xã Bản Dú;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Duy Hiền